TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HS-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tâm – Chức vụ: Nguyên là giáo viên.

Ông Trần Văn Ất – Chức vụ: Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: D), sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị Â; có vợ là chị H và 01 con; tiền án: Ngày 10/12/2014 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HS-ST ngày 07/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù, ngày 16/12/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

2. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: C), sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đoàn Thị H; có vợ là chị Trần Ngọc H và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017); nhân thân: Năm 1999 và năm 2002 Công an huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi "*Trộm cắp tài sản*", mỗi lần 24 tháng. Đến tháng 01/2004 chấp hành xong về sống cùng gia đình; tiền án: Ngày 11/12/2013 phạm tội "*Mua bán trái*

phép chất ma túy", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2014/HS-ST ngày 02/7/2014 của TAND huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù, ngày 11/02/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

3. Dương Quốc H, sinh năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Xuân Đ và bà Vũ Thị Mai L; chưa có vợ; tiền án: Ngày 22/11/2014 phạm tội "*Cố ý gây thương tích*", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2015/HS-ST ngày 14/8/2015 của TAND huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 24 tháng tù, ngày 30/9/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

4. Nguyễn Đình V, sinh năm 1983 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 9, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị L; có vợ là chị Tôn Thị S và 01 con; tiền án: Ngày 13/8/2016, phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2016/HS-ST ngày 04/11/2016 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 03 tháng tù, tháng 8/2016 chấp hành án xong, chưa được xóa án tích; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

5. Nguyễn Xuân H1 (tên gọi khác: G), sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị T; chưa có vợ; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

6. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 21/5/2000 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị K; chưa có vợ; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 đến ngày 03/7/2018, tại ngoại - Có mặt.

7. Trần Văn T2, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ; tiền sự: Ngày 23/8/2017, bị UBND xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 06 tháng, hiện chưa chấp hành xong; bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Minh Q, Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Minh Bình Phước thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N; địa chỉ: 491 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước - Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Trùng D, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Tổ 8, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Trương Văn H, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 – Có mặt;

Bà Lương Thị K sinh năm 1981 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2017, Phạm Văn T quen biết với Nguyễn Văn N ở huyện L, tỉnh Bình Phước. Biết N có chỗ thu mua xe trộm cắp nên T *(đang ở Đắk Nông)* gọi điện hỏi N: *"Em nghe nói anh có chỗ tiêu thụ xe đá (ý nói xe trộm cắp), anh có mua không và giá cả như thế nào thì em mang xuống"*, N trả lời: *"Cứ mang xuống cho anh, giá cả thì tùy xe cũ, xe mới, mang xe xuống giao thì anh báo giá"*, thì T đồng ý.

Được sự hứa hẹn của N, T rủ thêm X *(không rõ nhân thân, lai lịch),* Nguyễn Đình V, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Xuân H1, Trần Văn T2 và Dương Quốc H lập nhóm trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa. Trong đó, T là người chủ mưu, cầm đầu đồng thời trực tiếp cùng X, V trộm cắp xe mô tô. Sau đó, T chỉ đạo H1, H, T1, T vận chuyển xe trộm cắp được đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giao cho N. Sau khi nhận xe, N đem đến khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia bán cho một người tên M *(không rõ nhân thân lai lịch)*. Số tiền bán xe, N giữ lại một phần, số còn lại chuyển qua tài khoản Viettel cho T để chia cho những người trong nhóm.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 25/01/2018 đến ngày 19/3/2018, nhóm của T đã thực hiện 05 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa cụ thể:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 25/01/2018, T một mình đón xe khách từ tỉnh Bình Dương đến thị xã Gia Nghĩa. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T xuống xe tại khu vực cầu Đắk R'Tíh, tại đây, T thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, không gắn biển kiểm soát của anh Nguyễn Trùng D, trú tại tổ 8, phường N, thị xã Gia Nghĩa không có người trông coi. T đã trộm cắp xe mô tô nói trên rồi điều khiển xe đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giao cho N. Sau đó, N chạy xe đến khu vực biên giới bán cho M được 14.000.000 đồng. N giữ lại 1.000.000 đồng, số tiền còn lại N đưa trực tiếp cho T.

Bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc xe mô tô Exciter trên trị giá 46.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 11/3/2018, T rủ Nguyễn Ngọc T1 đi trộm cắp tài sản; T1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter BKS 72X2 – 6609 *(xe của bà Lương Thị Kế, mẹ của T1)* chở T đến thôn T, xã Đ, thị xã Gia Nghĩa. Tại đây cả hai thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 48B1-48.391 của anh Trương Văn H, trú tại thôn T, xã Đ, thị xã Gia Nghĩa đang dựng trong sân trước nhà, nên T1 đứng ngoài cảnh giới cho T vào lấy xe mô tô trên. Sau đó, T điều khiển xe về rẫy cà phê nhà Trần Văn T2 tại thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông cất giấu. Đến ngày 15/3/2018, T chỉ đạo T1 vận chuyển chiếc xe trên đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giao cho N. N nhận xe rồi đem bán cho M được 7.5000.000 đồng, N giữ lại 500.000 đồng, số còn lại N chuyển vào tài khoản cho T.

Bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 48B1-48.391 trị giá 17.100.000 đồng.

Vụ thứ ba: Tối ngày 14/3/2018, Nguyễn Đình V điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, không rõ biển kiểm soát *(xe của X)* chở T, X từ xã N, huyện Đ đến quán cà phê võng thuộc tổ 2, phường N, thị xã Gia Nghĩa. Tại đây, T, V đứng ngoài cảnh giới cho X vào quán trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Future Neo BKS 48B1-489.67 của anh Nguyễn Văn T, trú tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, bên trong cốp xe có 01 mặt dây chuyền hình chiếc nanh heo. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đã trộm cắp về rẫy nhà T2 cất giấu. Ngày 15/3/2018, T chỉ đạo T2, H1, H vận chuyển xe đến huyện Lộc Ninh giao cho N. N đem xe đi bán cho M được 9.000.000 đồng. N giữ lại 1.000.000 đồng, số còn lại chuyển qua tài khoản cho T; còn mặt dây chuyền T giữ lại để sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 26/3/2018, số 59/KL-HĐĐG ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 48B1-489.67 trị giá 28.800.000 đồng, mặt dây chuyền hình chiếc nanh heo trị giá 100.000 đồng.

Vụ thứ tư : Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 18/3/2018, V điều khiển xe Exciter, màu đen *(xe của X)* chở X, T đến trụ sở Điện lực tỉnh Đắk Nông thuộc tổ 3, phường N, thị xã Gia Nghĩa để trộm cắp xe mô tô. Tại đây, V đứng ngoài cảnh giới để T và X vào trộm cắp xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, BKS 92G1-241.23 của anh Nguyễn Văn Q, trú tại tổ 3, phường N, thị xã Gia Nghĩa. Sau đó, T điều khiển xe trên đến ngã ba Minh Hưng, thuộc huyện B, tỉnh Bình Phước cất giấu trong phòng trọ của bạn T tên N *(không rõ nhân thân lai lịch)*. Sáng cùng ngày, T chỉ đạo H1, H đến lấy chiếc xe trên đem đến huyện Lộc Ninh giao cho N. N đem xe bán cho M được 14.000.000 đồng, N giữ lại 1.000.000 đồng, số còn lại chuyển khoản cho T.

Bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc xe mô tô Exciter BKS 92G1-241.23 trị giá 44.200.000 đồng.

Vụ thứ năm: Ngày 19/3/2018, X trộm cắp 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius, BKS 48B1-441.25 của chị Nguyễn Thị Phương T tại nhà chị T thuộc thôn T, xã Q, thị xã Gia Nghĩa. Sau đó giao chiếc xe này cho T đi tiêu thụ. Cùng ngày, T chỉ đạo H, T1 vận chuyển xe đến huyện Lộc Ninh giao cho N. khi đi đến địa phận xã Đ, huyện Đ thì H, T1 bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Nông phát hiện, tạm giữ cùng tang vật. Thời điểm này, chiếc xe Sirius được gắn biển số giả 81U1-286.18.

Bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 48B1-441.25 trị giá 19.550.000 đồng.

Như vậy, T tham gia thực hiện 05 vụ trộm cắp, tổng giá trị tài sản là 156.550.000 đồng; N tham gia thực hiện 04 vụ, tổng giá trị tài sản là 136.900.000 đồng; H tham gia thực hiện 03 vụ, tổng giá trị tài sản là 92.550.000 đồng; V tham gia thực hiện 02 vụ, tổng giá trị tài sản là 73.100.000 đồng; H1 tham gia thực hiện 02 vụ, tổng giá trị tài sản là 73.000.000 đồng; T1 tham gia thực hiện 02 vụ, tổng giá trị tài sản là 36.650.000 đồng; T2 tham gia thực hiện 01 vụ, tổng giá trị tài sản là 28.800.000 đồng.

Tại thời điểm bị bắt giữ, T và đồng phạm đã tiêu thụ 04 xe mô tô, với tổng số tiền thu lợi 44.500.000 đồng. Số tiền này N hưởng lợi 3.500.000 đồng; T 02 lần chỉ đạo N đưa cho H, H1, T1, T2 tổng cộng 2.500.000 đồng. T chia thêm cho H1, T1, T2 mỗi bị cáo 500.000 đồng, H 900.000 đồng; chia cho X, V mỗi người 7.000.000 đồng. Số tiền 22.100.000 đồng còn lại T giữ lại tiêu xài cá nhân hết.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, BKS 48B1-441.25 (của chị Nguyễn Thị Phương T);

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh đen, gắn BKS 47L6-7069 (Chưa xác định được chủ sở hữu);

- 01 mặt dây chuyền hình chiếc nanh, màu trắng, dài 9,5cm, chiều rộng lớn nhất 06cm, một đầu nhọn, một đầu bọc kim loại khắc hình rồng, có móc đeo (của ông Nguyễn Văn T).

Phần dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản, chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Trùng D yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 46.800.000 đồng.

Anh Trương Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 17.100.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 28.800.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 44.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 69/CTr-VKS ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Phạm Văn T theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V và Nguyễn Xuân H1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo các điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ

luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Trần Văn T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Ngọc T1 và Trần Văn T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"*; sau khi phân tích hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H1;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T1.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T2.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn T2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Đề nghị HĐXX:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Dương Quốc H từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V từ 03 (ba) năm 06 (sáu) đến 04 (bốn) năm năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H1 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) đến 02 (hai) năm tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 từ 02 (hai) năm năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Đề nghị chấp nhận ngày 22/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa có Quyết định xử lý vật chứng số 807a, 808a trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương T xe

mô tô BKS 48B1-441.25 và trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 mặt dây chuyền, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, BKS 72X2 – 6609 đã xác định được là tài sản hợp pháp của bà Lương Thị K *(mẹ của T1),* khi T1 mượn bà K không biết T1 sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa không thu giữ.

Đối với biển số 81U1-286.18, qua tra cứu là biển số giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N cho rằng về hành vi phạm tội, định giá tài sản phạm tội và toàn bộ hồ sơ vụ án là phù hợp. Tuy nhiên, tại bản kết luận định giá tài sản có ông Bùi Xuân H là kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tân Tấn Phát là thành viên Hội đồng định giá tài sản, nhưng con dấu đóng phía dưới là Công ty trách nhiệm hữu hạn Lai Hương 2 nên đề nghị HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1 và Trần Văn T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2018, các bị cáo cùng nhau tổ chức trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ trong đó T là người chủ mưu, cầm đầu đồng thời cùng với V, T1 trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp; T1, T2, H, H1 trực tiếp đưa xe đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giao cho N tiêu thụ. Do đó, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn

Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1 và Trần Văn T2 phải bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là "*phạm tội có tổ chức*".

Bị cáo Phạm Văn T trộm 01 xe Exciter không gắn biển kiểm soát; 01 xe Wave BKS 48B1-48.391; 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67; 01 xe Exciter BKS 92G1-241.23; 01 xe Sirius BKS 48B1-441.25, với tổng giá trị là 156.550.000 đồng. Nguyễn Văn N tham gia trộm cắp 04 xe gồm: 01 xe Exciter không gắn biển kiểm soát; 01 xe Wave BKS 48B1-48.391; 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67; 01 xe Exciter BKS 92G1-241.23, với tổng giá trị là 136.900.000 đồng. Dương Quốc H tham gia trộm cắp 03 xe gồm: 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67; 01 xe Exciter BKS 92G1-241.23; 01 xe Sirius BKS 48B1-441.25, với tổng giá trị là 92.550.000 đồng. Nguyễn Đình V tham gia trộm cắp 02 xe gồm: 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67; 01 xe Exciter BKS 92G1-241.23, với tổng giá trị là 73.100.000 đồng. Nguyễn Xuân H1 tham gia trộm cắp 02 xe gồm: 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67; 01 xe Exciter BKS 92G1-241.2, với tổng giá trị là 73.000.000 đồng nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là "*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*".

Nguyễn Ngọc T1 tham gia trộm cắp 02 xe gồm: 01 xe Wave BKS 48B1-48.391; 01 xe Sirius BKS 48B1-441.25 với tổng giá trị là 36.650.000 đồng.

Trần Văn T2 tham gia trộm cắp 01 xe Future Neo BKS 48B1-489.67 trị giá 28.800.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn T thực hiện 05 lần trộm cắp, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên còn bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là "*có tính chất chuyên nghiệp*".

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[3] Xét hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương. Các bị cáo phạm tội với tính chất, hành vi và thủ đoạn vô cùng liều lĩnh, trong khoảng thời gian khoảng

ba tháng thực hiện năm lần trộm cắp, phần lớn các bị cáo đều có tiền án chưa xóa án tích, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Đình V, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H đều có tiền án, vừa chấp hành xong hình phạt chưa xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình lấy lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1 đều khai báo lại những lần phần phạm tội trước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Ngọc T1 khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên cụ thể: Lần đầu thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 11/3/2018 mới 17 tuổi 9 tháng 20 ngày và thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 19/3/2018 mới 17 tuổi 9 tháng 28 ngày nên cần áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn cao nhất không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định đối với bị cáo T1.

[6] Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về mức hình phạt đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa đối với một số bị cáo là có phần nghiêm khắc nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy ông Bùi Xuân H là kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tân Tấn Phát là thành viên Hội đồng định giá tài sản và cũng là Công ty trách nhiệm hữu hạn Lai Hương 2, do đó không có cơ sở chấp nhận đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung của người bào chữa.

[8] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Xe mô tô BKS 48B1-441.25 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Phương T, 01 mặt dây chuyền là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T nên cần chấp nhận ngày 22/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa có Quyết định xử lý vật chứng số 807a, 808a trả lại cho chị T xe mô tô BKS 48B1-441.25 và trả lại cho anh T 01 mặt dây chuyền, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, gắn biển số 47L6-7069, do không xác định được chủ sở hữu và đối tượng trộm cắp nên tiếp tục điều tra xác minh. Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, kiểu dáng Exciter, màu đen, không rõ biển kiểm soát mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và 04 chiếc xe mô tô các bị cáo khai nhận đã tiêu thụ giúp cho đối tượng X, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa đã xác minh, truy tìm nhưng chưa làm rõ được, vì vậy tách ra khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng X, M, N quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 288, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, không gắn biển kiểm soát của anh Nguyễn Trùng D không thu hồi được, anh D có yêu cầu bồi thường 46.800.000 đồng cũng là trị giá chiếc xe theo kết luận giám định nên cần chấp nhận. Trong đó bị cáo Phạm Văn T hưởng lợi là 6.000.000 đồng và Nguyễn Văn N được hưởng lợi 1.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn N phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D số tiền 46.800.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng). T được hưởng lợi 85% còn N được hưởng lợi 15%. Cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D là 39.780.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D là 7.020.000đ (bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, BKS 48B1-48.391 của anh Trương Văn H không thu hồi được, anh H có yêu cầu bồi thường số tiền 17.100.000 đồng cũng là trị giá chiếc xe theo kết luận giám định nên cần chấp nhận. Trong đó bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Ngọc T thực hiện hành vi trộm cắp xe Nguyễn Văn N tiêu thụ được 7.500.000 đồng, N được hưởng lợi 500.000 đồng, T chia cho T1 500.000 đồng cộng với N trực tiếp đưa cho T1 625.000 đồng, T được hưởng lợi là 5.875.000 đồng. T được lợi 78%, T1 được lợi 15%, còn N được lợi 7%. Do đó, cần buộc Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Ngọc T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 17.100.000 đồng. Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường cho anh H số tiền 13.338.000 đồng, Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh H số tiền 1.197.000 đồng, Nguyễn Ngọc T1 phải bồi thường cho anh H số tiền 2.565.000 đồng, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T1 chưa đủ 18 tuổi, T1 không có nghề nghiệp cũng không có tài sản bồi thường, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị K là cha, mẹ đẻ của bị cáo T1 phải bồi thường số tiền 2.565.000 đồng cho anh H.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Future Neo, BKS 48B1-489.67 của ông Nguyễn Văn T không thu hồi được, ông T có yêu cầu bồi thường số tiền 28.800.000 đồng cũng là trị giá chiếc xe theo kết luận giám định nên cần chấp nhận. Bị cáo Phạm Văn T và một đối tượng tên X vào trộm xe, Nguyễn Đình V đứng cảnh giới, Trần Văn T2, Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H đem đi tiêu thụ, Nguyễn Văn N bán xe thu được 9.000.000 đồng, N thu lợi 1.000.000 đồng (11%), H được chia 02 lần tổng số tiền là 1.525.000 đồng nhưng không tách ra cụ thể phần được hưởng lợi của từng bị cáo đối với xe này nên tính dựa vào hành vi của các bị cáo để bồi thường, đối tượng trên X không xác định nhân thân, đã được tách ra để điều tra. Do đó cần buộc T, V, N, H1, T2, H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T tổng số tiền là 28.800.000 đồng. Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền (30%) là 8.640.000 đồng; Nguyễn Đình V (22%) là 6.336.000 đồng; Trần Văn T2, Nguyễn

Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T (12%) 3.456.000 đồng.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, BKS 92G1-241.23 của anh Nguyễn Văn Q không thu hồi được, anh Q có yêu cầu bồi thường số tiền 44.200.000 đồng cũng là trị giá chiếc xe theo kết luận giám định nên cần chấp nhận. Trong vụ án này V đứng ngoài cảnh giới để T và X vào trộm cắp xe sau đó T chỉ đạo H1, H đến lấy chiếc xe trên đem đến huyện Lộc Ninh giao cho N. Số tiền các bị cáo thu lợi là 14.000.000 đồng nhưng không tách ra cụ thể được phần hưởng lợi của từng bị cáo đối với xe này nên tính dựa vào hành vi của các bị cáo để bồi thường, đối tượng trên X không xác định nhân thân, đã được tách ra để điều tra. Do đó cần buộc T, V, H1, H, N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Q tổng số tiền là 44.200.000 đồng. Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q số tiền (35%) 15.470.000 đồng; Nguyễn Đình V (20%) là 8.840.000 đồng; Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải bồi thường là (15%) 6.630.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường tổng số tiền là 39.780.000 đồng + 13.338.000 đồng + 8.640.000 đồng + 15.470.000 đồng = 77.228.000 đồng; Nguyễn Văn N phải bồi thường tổng số tiền là 7.020.000 đồng + 1.197.000 đồng + 3.456.000 đồng + 6.630.000 đồng = 18.303.000 đồng; Dương Quốc H phải bồi thường tổng số tiền là 3.456.000 đồng + 6.630.000 đồng = 10.086.000 đồng; Nguyễn Đình V phải bồi thường tổng số tiền là 6.336.000 đồng + 8.840.000 đồng = 15.176.000 đồng; Nguyễn Xuân H1 phải bồi thường tổng số tiền là 3.456.000 đồng + 6.630.000 đồng = 10.086.000 đồng; Nguyễn Ngọc T1 phải bồi thường tổng số tiền là 2.565.000 đồng; Trần Văn T2 phải bồi thường tổng số tiền là 3.456.000 đồng.

[9] **Về án phí:** Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm như sau: Phạm Văn T 77.228.000 đồng x 5% = 3.862.000 đồng; Nguyễn Văn N 18.303.000 đồng x 5% = 915.150 đồng; Dương Quốc H 10.086.000 đồng x 5% = 505.000 đồng; Nguyễn Đình V 15.176.000 đồng x 5% = 759.000 đồng; Nguyễn Xuân H1 10.086.000 đồng x 5% = 505.000 đồng; Nguyễn Ngọc T1 300.000 đồng; Trần Văn T2 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H1;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T1.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 28 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T2.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn T2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

- Xử phạt bị cáo Dương Quốc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 đến ngày 03/7/2018.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2018).

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xe mô tô BKS 48B1-441.25 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Phương T, 01 mặt dây chuyền là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T nên cần chấp nhận ngày 22/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa có Quyết định xử lý vật chứng số 807a, 808a trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương T xe mô tô BKS 48B1-441.25 và trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 mặt dây chuyền, là các chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 288, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn N phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D số tiền 46.800.000đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D là 39.780.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Trùng D là 7.020.000đ (bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Buộc Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Ngọc T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trương Văn H số tiền 17.100.000đ (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng). Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường cho anh H số tiền 13.338.000đ (mười ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng), Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh H số tiền 1.197.000đ (một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng), Nguyễn Ngọc T1 phải bồi thường cho anh H số tiền 2.565.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T1 chưa đủ 18 tuổi, T1 không có nghề nghiệp cũng không có tài sản bồi thường, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị K là cha, mẹ đẻ của bị cáo T1 phải bồi thường số tiền 2.565.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) cho anh H.

- Buộc Phạm Văn T, Nguyễn Đình V, Trần Văn T2, Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 28.800.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 8.640.000đ (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); Nguyễn Đình V phải bồi thường cho ông T 6.336.000đ (sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng); Trần Văn T2, Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T 3.456.000đ (ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc Phạm Văn T, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 44.200.000đ (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Cụ thể: Phạm Văn T phải bồi thường số tiền 15.470.000đ (mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); Nguyễn Đình V là 8.840.000đ (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Nguyễn Xuân H1, Dương Quốc H, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.630.000đ (sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại anh Nguyễn Trùng D, anh Trương Văn H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo Phạm Văn T; Nguyễn Văn N, Dương Quốc H, Nguyễn Đình V, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn T2 không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Phạm Văn T; Nguyễn Văn N; Dương Quốc H; Nguyễn Đình V; Nguyễn Xuân H1; Nguyễn Ngọc T1; Trần Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: Phạm Văn T phải nộp 3.862.000đ (ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); Nguyễn Văn N phải nộp 915.000đ (chín trăm mười lăm nghìn đồng); Dương Quốc H phải nộp 505.000đ (năm

trăm linh năm nghìn đồng); Nguyễn Đình V phải nộp 759.000đ (bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng); Nguyễn Xuân H1 phải nộp 505.000đ (năm trăm linh năm nghìn đồng); Nguyễn Ngọc T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Trần Văn T2 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáobản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị K được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA thị xã Gia Nghĩa;
- Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến